

Số: 131/QĐ-UBND

Lộc Thủy, ngày 15 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố mở rộng Hệ thống Quản lý chất lượng
phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
tại Ủy ban nhân dân Lộc Thủy

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ LỘC THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 Hệ thống quản lý chất lượng – các yêu cầu;

Căn cứ Kế hoạch số 64 /KH-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai việc chuyển đổi xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ hành chính nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế năm 2018;

Căn cứ Quyết định 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 Về việc ban hành Danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn;

Xét đề nghị của Công chức Văn phòng - thống kê xã Lộc Thủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố mở rộng Hệ thống Quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân UBND xã Lộc Thủy phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015, với các lĩnh vực hoạt động theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng - Thống kê UBND xã, Trưởng Ban Chỉ đạo ISO xã và các công chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- UBND huyện (b/c);
- Phòng Nội vụ huyện (b/c);
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Thường trực UBMTTQVN xã;
- Chủ tịch và các PCT UBND xã;
- Các ban, ngành, đoàn thể xã;
- Trang TTĐT xã, thị trấn;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hoàng

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC QUY TRÌNH HỆ THỐNG ÁP DỤNG THEO TIÊU CHUẨN
TCVN ISO 9001:2015 ĐƯỢC TRIỂN KHAI
TẠI UBND XÃ LỘC THỦY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Lộc Thủy)

TT	Tên quy trình	Tên thủ tục hành chính	Đơn vị thực hiện	Đơn vị phối hợp
A	QUY TRÌNH HỆ THỐNG			
I	Quy trình bắt buộc (07 quy trình)			
1	QTBT-01	Quy trình kiểm soát tài liệu	Ban ISO	
2	QTBT-02	Quy trình kiểm soát hồ sơ	Ban ISO	
3	QTBT-03	Quy trình đánh giá nội bộ	Ban ISO	
4	QTBT-04	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp	Ban ISO	
5	QTBT-05	Quy trình hành động khắc phục	Ban ISO	
6	QTBT-06	Quy trình hành động phòng ngừa	Ban ISO	
7	QTBT-07	Quy trình quản lý rủi ro	Ban ISO	
II	Quy trình nội bộ (08 quy trình)			
1	QTNB-01	Quy trình tiếp nhận và trả kết quả	Ban ISO	Công chức xã
2	QTNB-02	Quy trình họp xem xét lãnh đạo	Ban ISO	Công chức xã
3	QTNB-03	Quy trình tiếp nhận, phát hành văn bản đi của cơ quan	Ban ISO	Công chức xã
4	QTNB-04	Quy trình quản lý văn bản đến của cơ quan	Ban ISO	Công chức xã
5	QTNB-05	Quy trình quản lý thông tin nội bộ	Ban ISO	Công chức xã
6	QTNB-06	Quy trình quản lý mua sắm tài sản	Ban ISO	Công chức xã
7	QTNB-07	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực công an	Công an	

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ
KẾT QUẢ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA ÁP DỤNG THEO TIÊU CHUẨN
TCVN ISO 9001:2015 ĐƯỢC TRIỂN KHAI
TẠI UBND XÃ LỘC THỦY**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của
Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Lộc Thủy)*

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH
I.	LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (19 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Người có công (02 TTHC)	
1.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
2.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	
	2. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (06 TTHC)	
3.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
4.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	
5.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	
6.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	
7.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	
8.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ	

	sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	
	3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (08 TTHC)	
9.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 29/5/2019
10.	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
11.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
12.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng	
13.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế	
14.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm	
15.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm	
16.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.	
	4. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)	
17.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018
18.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng	
19.	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng	

II.	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC)	
20.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 25/02/2019
21.	Sáp nhập, chia, tách, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
22.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	
23.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại	
24.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học	
III.	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (05 TTHC)	
25.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội	Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 04/02/2020
26.	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa	
27.	Thủ tục xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa	
28.	Đăng ký hoạt động thư viện, tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1000 bản	
29.	Công nhận CLB thể thao cơ sở	
IV.	Y TẾ (01 TTHC)	
30.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 08/4/2019
V.	NỘI VỤ (14 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)	
31.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày
32.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	

33.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung	12/9/2018
34.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
35.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã	
36.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
37.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	
38.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 12/9/2018
39.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung	
40.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc	
	2. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (04 TTHC)	
41.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	
42.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề	Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 12/9/2018
43.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất	
44.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến	
VI.	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (05 TTHC)	

	1. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (04 TTHC)	
45.	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	
46.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 11/10/2018 Quyết định số 2992/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
47.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
48.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)	
	2. Lĩnh vực Khuyến nông (01 TTHC)	
49.	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 04/3/2019
VII.	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (27 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Môi trường (04 TTHC)	
50.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 15/4/2020
	2. Lĩnh vực Đất đai (23 TTHC)	
	Mục 1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (02 TTHC)	
51.	Hoà giải tranh chấp đất đai	Quyết định số

52.	Cung cấp dữ liệu đất đai	2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018
	Mục 2. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Văn phòng Đăng ký đất đai cấp huyện (21 TTHC) Hộ gia đình, cá nhân được lựa chọn nộp hồ sơ tại UBND cấp xã	
53.	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 12/12/2018
54.	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	
55.	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận	
56.	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề	
57.	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế	
58.	Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân khi hết hạn sử dụng đất đối với trường hợp có nhu cầu	
59.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất	
60.	Chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ	

	gia đình, cá nhân	
61.	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu	
62.	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu	
63.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất	
64.	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp	
65.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở	
66.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định	
67.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế,	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018

	tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận; xác định lại diện tích đất ở	
68.	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm	
69.	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp	
70.	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất	
71.	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bỗ sung của Giấy chứng nhận do bị mất	
72.	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018
73.	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất	
VIII.	TƯ PHÁP (42 TTHC)	
	1. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)	

74.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
75.	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật	
	2. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)	
76.	Công nhận hòa giải viên	
77.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải	
78.	Thôi làm hòa giải viên	
79.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	
	3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)	
80.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
	4. Lĩnh vực chứng thực (11 TTHC)	
81.	Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
82.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
83.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản	
84.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
85.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
86.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
87.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
88.	Chứng thực di chúc	

89.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
90.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
91.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	
	5. Lĩnh vực Hộ tịch (20 TTHC)	
92.	Đăng ký khai sinh	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
93.	Đăng ký kết hôn	
94.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
95.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
96.	Đăng ký khai tử	
97.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
98.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
99.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
100.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	
101.	Đăng ký giám hộ	
102.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	
103.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	
104.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
105.	Đăng ký lại khai sinh	

106.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
107.	Đăng ký lại kết hôn	
108.	Đăng ký lại khai tử	
109.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	
110.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
111.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	
	6. Lĩnh vực nuôi con nuôi (03 TTHC)	
112.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018
113.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	
114.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	
X.	QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN	
115.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 04/4/2019
116.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	
XI.	PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI	
117.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai	Quyết định số

118.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	2462/QĐ-UBND ngày 08/10/2019
119.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu	
XII	TỔ CÁO	
120.	Thủ tục giải quyết tổ cáo	Quyết định số 3113/QĐ-UBND ngày 04/12/2019
XIII	THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ HỢP TÁC	
121.	Thông báo thành lập tổ hợp tác	Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 16/12/2019
122.	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	
123.	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	
XIV	TRỒNG TRỌT	
124.	Thủ tục đăng ký chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ trồng lúa sang trồng cây hàng năm hoặc trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản trên đất trồng lúa	Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 14/4/2020
XV	QUÂN SỰ	
1.	Lĩnh vực động viên quân đội	
125.	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	

126.	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)	
2.	Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội	
127.	Giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000	
3.	Lĩnh vực Dân quân tự vệ	
128.	Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết	
129.	Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.	
4.	Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự	
130.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu	Quyết định số 982/QĐ-UBND ngày 04/04/2020
131.	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị	
132.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung	
133.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	
134.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập	
135.	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng	
136.	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến	
5.	Lĩnh vực chính sách	
137.	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ	

	từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc	
138.	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (<i>đổi tượng từ trên</i>)	

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG ÁP DỤNG THEO TIÊU CHUẨN TCVN ISO 9001:2015 ĐƯỢC TRIỂN KHAI TẠI UBND XÃ LỘC THỦY

(Ban hành kèm theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân xã Lộc Thủy)

I.	LĨNH VỰC DÂN TỘC (02 TTHC)	
1.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 08/5/2018
2.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	
II.	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (21 TTHC)	
3.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
4.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ	
5.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng	
6.	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ	
7.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng	
8.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần	
9.	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần	
10.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến	
11.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày	

12.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
13.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết	
14.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
15.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến	
16.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	
17.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
18.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ	
19.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ	
20.	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ	
21.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
22.	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng	

23.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia	Quyết định số 1439/QĐ-UBND ngày 18/6/2020
24.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	
25.	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	
III.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (08 TTHC)	
26.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018
27.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	
28.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	
29.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh	
30.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)	
31.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)	
32.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng	
33.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	

IV.	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 TTHC)	
34.	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 12/10/2018
35.	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	
V	QUY HOẠCH XÂY DỰNG	
36.	Cung cấp thông tin về Quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền UBND cấp xã	Quyết định số 2487/QĐ-UBND ngày 25/9/2020